

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

KHOA DƯỢC

----- // -----



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
NHÀ THUỐC THIÊN KHÁNH

Sinh viên thực hiện :

MSSV :

Lớp :

Khóa

GVHD cơ sở

GVHD của trường :

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2021

BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
NHÀ THUỐC THIÊN KHÁNH



LỜI CAM ĐOAN

Em xin được cam đoan: Bài báo cáo thực tập tại nhà thuốc Thiên Khánh được thực hiện nhờ sự hướng dẫn của DS và GV. Đây là thành quả của quá trình 4 tuần thực tập tại nhà thuốc. Em không sao chép dưới bất kỳ hình thức nào và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm. Em xin chân thành cảm ơn.

Ký tên

LỜI CẢM ƠN

--//--

Trước tiên em xin chân thành cảm ơn các anh chị nhân viên nhà thuốc Thiên Khánh đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành tốt đợt thực tập này. Đặc biệt cảm ơn Dược Sĩ Trương Cẩm Bình – quản lý nhà thuốc đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo những kiến thức thực tế mà trước đây em chỉ được biết qua lý thuyết.

Bên cạnh đó em cũng xin chân thành cảm ơn tập thể Giảng viên khoa Dược trường Đại Học Nguyễn Tất Thành đã tận tình truyền đạt những kiến thức chuyên môn trong suốt 4 năm qua. Đặc biệt là Cô Ngô Ngọc Anh Thư đã tận tình hướng dẫn giúp em hoàn thành bài báo cáo thực tập.

Do thời gian thực tập có giới hạn, kiến thức là vô tận nên bài báo cáo của em sẽ còn nhiều điều thiếu sót và hạn chế. Mong nhận được sự thông cảm và góp ý của quý thầy cô.

Em xin chân thành biết ơn!

NHẬN XÉT CỦA CƠ SỞ THỰC TẬP

---//---

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TP. HCM, Ngày.....Tháng.....Năm 2020

Cơ sở thực tập (ký tên, xác nhận)

DS.Trương Cẩm Bình

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHẤM BÀI

---//---

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TP. HCM, Ngày.....Tháng.....Năm 2020

ThS. Ngô Ngọc Anh Thư

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
NHẬN XÉT CỦA CƠ SỞ THỰC TẬP	iii
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHẤM BÀI	iv
MỤC LỤC	v
DANH MỤC HÌNH	vii
DANH MỤC BẢNG	viii
LỜI MỞ ĐẦU	ix
CHƯƠNG 1. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THUỐC	1
1.1. TÊN ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ THỰC TẬP	1
1.2. NHIỆM VỤ VÀ QUY MÔ TỔ CHỨC:	1
1.2.1. Nhiệm vụ của nhà thuốc:	1
1.2.2. Quy mô tổ chức	2
1.3. Nhận xét chung về cách thức tổ chức và vận hành hoạt động của nhà thuốc.	2
CHƯƠNG 2. NỘI DUNG THỰC TẬP	4
2.1. TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THUỐC:	4

2.1.1. Quy mô hoạt động:	4
2.1.2. Loại hình kinh doanh:	4
2.1.3. Tổ chức nhân sự:	4
2.1.3.1. Người quản lý chuyên môn	4
2.1.3.2. Nhân viên	5
2.1.3.3. Cách bố trí và trưng bày trong nhà thuốc:	5
2.2. Sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại nhà thuốc	6
2.2.1. Cách sắp xếp phân loại thuốc ở nhà thuốc	6
2.2.2. Theo dõi số lượng, chất lượng và bảo quản thuốc tại nhà thuốc	8
2.2.3. Danh mục các nhóm thuốc kinh doanh tại nhà thuốc	10
2.3. Việc thực hiện GPP tại nhà thuốc	24
2.3.1. Những nội dung nhà thuốc thực hiện so với bảng kiểm GPP của Bộ Y Tế.	25
2.3.2. So sánh, nhận xét những nội dung nhà thuốc đã thực hiện được so với bảng kiểm GPP của Bộ Y tế.	27
2.3.3. Các loại sổ sách, các S.O.P có tại nhà thuốc.	31
2.4. Tình hình bán và nhập thuốc tại nhà thuốc	34
2.4.1. Hoạt động nhập thuốc	34
2.4.2. Hoạt động bán thuốc	35
2.5. Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc	42
2.5.1. Thông tin giới thiệu thuốc:	42
2.5.2. Hướng dẫn sử dụng thuốc	42
2.5.3. Đảm bảo an toàn và hợp lý trong bán và sử dụng thuốc	53
CHƯƠNG 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	54

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Nhà thuốc Thiên Khánh	1
Hình 1.2. Các giấy tờ pháp lý của Nhà thuốc Thiên Khánh	2
Hình 2.1. Sơ đồ Nhà thuốc Thiên Khánh	6
Hình 2.2. Cách sắp xếp thuốc tại nhà thuốc	7
Hình 2.3. Nhiệt kế tự đo tại nhà thuốc	9
Hình 2.4. Phần mềm quản lý thuốc tại nhà thuốc	10
Hình 2.5. Biên bản đánh giá “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”	25
Hình 2.6. Danh mục kiểm tra	26
Hình 2.7. Các quy trình thao tác chuẩn	33

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Nhóm thuốc kháng sinh	11
Bảng 2.2. Nhóm thuốc tim mạch-huyết áp	12
Bảng 2.3. Nhóm thuốc thần kinh	12
Bảng 2.4. Nhóm thuốc ho-hen suyễn	13
Bảng 2.5. Nhóm thuốc tiêu hóa	14
Bảng 2.6. Nhóm thuốc dùng ngoài	15
Bảng 2.7. Nhóm vitamin và khoáng chất	16
Bảng 2.8. Nhóm thuốc giảm đau , hạ sốt	17
Bảng 2.9. Nhóm thuốc dị ứng	18
Bảng 2.10. Nhóm thuốc ngừa thai	19
Bảng 2.11. Nhóm thuốc nội tiết	20
Bảng 2.12. Nhóm thuốc đặt âm đạo	22
Bảng 2.13. Nhóm cơ - xương	23
Bảng 2.14. Nhóm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu	24

LỜI MỞ ĐẦU

--//--

Sức khỏe là vốn quý nhất của con người và xã hội. Ngành Dược ra đời nhằm phục vụ và chăm sóc sức khỏe con người. Trong ngành Dược lại chia ra làm nhiều lĩnh vực trong đó có bán lẻ thuốc tại các nhà thuốc tư nhân.

Thuốc tốt và sử dụng đúng cách sẽ làm cho người bệnh mau khỏi, nếu thuốc không đảm bảo chất lượng, sử dụng không hợp lý sẽ không chữa khỏi bệnh mà còn có thể gây ra tác hại cho người sử dụng, thậm chí có thể gây tử vong cho người sử dụng thuốc.

Vì vậy nhà thuốc tư nhân được quản lý như thế nào, có những quy định gì về sử dụng thuốc, nơi bảo quản, phân phối để đảm bảo chất lượng thuốc tốt nhất khi đến tay người sử dụng?

Để trả lời câu hỏi trên dưới đây là những gì em tìm hiểu được về nhà thuốc tư

nhân sau thời gian thực tập và học hỏi tại nhà thuốc Thiên Khánh.

CHƯƠNG 1. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THUỐC

1.1. TÊN ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Tên đơn vị thực tập: Nhà thuốc Thiên Khánh

Địa chỉ: 129/6A Lê Lợi, Ấp Tân Thới 2, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn, TP.HCM.



Hình 1.1. Nhà thuốc Thiên Khánh

1.2. NHIỆM VỤ VÀ QUY MÔ TỔ CHỨC:

1.2.1. Nhiệm vụ của nhà thuốc:

–Cung ứng thuốc đảm bảo số lượng, chất lượng, phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu thuốc cho điều trị bệnh.

–Hoạt động và quản lý theo tiêu chuẩn Nhà thuốc GPP, quản lý nhập, theo dõi bán lẻ các loại thuốc được cho phép.

- Thực hiện công tác tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc.
- Bảo quản thuốc theo đúng nguyên tắc thực hành tốt bảo quản thuốc GSP.
- Bảo đảm cung ứng kịp thời và tốt nhất các loại thuốc thiết yếu và thực hiện quản lý, bán các loại thuốc kê đơn và không kê đơn.
- Nộp thuế theo đúng quy định pháp luật.

1.2.2. Quy mô tổ chức

- Giấy phép kinh doanh số: 41S8016789
- Dược sĩ phụ trách và quản lý chuyên môn : DS Trương Cẩm Bình
- Số nhân viên tại nhà thuốc: 04 nhân viên



Hình 1.2. Các giấy tờ pháp lý của Nhà thuốc Thiên Khánh

1.3. Nhận xét chung về cách thức tổ chức và vận hành hoạt động của nhà thuốc.

- Nhà thuốc có địa điểm cố định, bố trí ở nơi cao ráo, thoáng mát, an toàn, cách xa nguồn ô nhiễm.
- Xây dựng chắc chắn, tường và nền nhà dễ làm vệ sinh, đủ ánh sáng nhưng

thuốc không bị tác động trực tiếp của ánh sáng mặt trời.

- Diện tích phù hợp với mô hình kinh doanh.

- Có nội quy nhà thuốc và bảng giá theo quy định.

- Có khu vực để trưng bày, bảo quản thuốc và khu vực để người mua thuốc tiếp xúc và trao đổi thông tin về việc sử dụng thuốc với người bán, có khu vực rửa tay.

- Tủ thuốc chắc chắn, trơn nhẵn, dễ vệ sinh, thuận tiện cho bày bán, bảo quản thuốc, có cân sức khỏe.

- Thuốc được sắp xếp theo nhóm tác dụng dược lý, các thuốc kê đơn nếu được bày bán và bảo quản tại khu vực riêng có ghi rõ “ Thuốc kê đơn”, việc sắp xếp đảm bảo sự thuận lợi, tránh gây nhầm lẫn.

- Các loại mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế có các khu riêng biệt.

- Người phụ trách chuyên môn có bằng tốt nghiệp đại học ngành Dược, có Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định hiện hành.

- Có tài liệu hoặc phương tiện tra cứu các thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc cập nhật, các quy chế Dược hiện hành, các thông báo có liên quan của cơ quan quản lý Dược để người bán lẻ có thể tra cứu và sử dụng khi cần.

- Nhà thuốc có nguồn nhân lực thích hợp để đáp ứng quy mô hoạt động.

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG THỰC TẬP

2.1. TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THUỐC:

Nhận xét chung về quy mô hoạt động, loại hình kinh doanh, tổ chức nhân sự, cách bố trí và trưng bày trong nhà thuốc.

2.1.1. Quy mô hoạt động:

–Cơ sở vật chất: Nhà thuốc Thiên Khánh với diện tích 18 m² được xây dựng trên một địa điểm riêng biệt, thoáng mát, xây dựng bằng tường gạch, trần chống bụi nền gạch ceramic, cửa kính .

–Có bố trí khu vực thuốc kê đơn, khu vực thuốc không kê đơn, khu vực thuốc phải kiểm soát đặc biệt, khu vực những sản phẩm không phải là thuốc, tủ ra thuốc lẻ, ngăn biệt trữ, khu vực tư vấn thuốc.

–Trang thiết bị: có tủ, quầy, kệ để bảo quản thuốc. Có 01 máy lạnh và 01 quạt máy để duy trì điều kiện bảo quản, nhiệt ẩm kế và thiết bị theo dõi nhiệt độ tự ghi với tần suất phù hợp để theo dõi điều kiện bảo quản. Có thiết bị chữa cháy, hệ thống máy vi tính với phần mềm quản lý thuốc phù hợp với điều kiện và quy mô hoạt động của nhà thuốc, truy cập thông tin thuốc trên internet.

–Nhà thuốc hoạt động theo cơ chế bán lẻ các loại thuốc tân dược, thuốc có nguồn gốc từ dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và trang thiết bị dụng cụ y tế.

–Nhà thuốc Thiên Khánh là nhà thuốc đạt chuẩn GPP do Sở Y tế cấp giấy chứng nhận. Nhà thuốc có đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm, thái độ làm việc nhiệt tình,

tinh thần trách nhiệm cao và có ý đức tốt.

2.1.2. Loại hình kinh doanh:

- Hộ kinh doanh nhà thuốc Thiên Khánh –hộ kinh doanh cá thể

2.1.3. Tổ chức nhân sự:

2.1.3.1. Người quản lý chuyên môn

–Dược sĩ là chủ nhà thuốc luôn có mặt tại nhà thuốc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra nhân viên sắp xếp, nhập thuốc.

–Giám sát trực tiếp tham gia việc bán các thuốc kê đơn, tư vấn cho người mua.

–Kiểm soát chất lượng thuốc mua về, thuốc bảo quản tại nhà thuốc.

–Thường xuyên cập nhật các kiến thức chuyên môn, văn bản quy phạm pháp luật về hành nghề dược và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng thuốc.

–Đào tạo, hướng dẫn các nhân viên bán thuốc về chuyên môn cũng như đạo đức hành nghề dược.

2.1.3.2. Nhân viên

–Nhân viên chia làm hai ca: ca 1(7h – 15h), ca 2 (14h – 22h).

–Làm theo những gì Dược sĩ chỉ dẫn và tuân thủ nội quy của nhà thuốc.

–Nội quy nhà thuốc:

- Đi làm đúng giờ, mặc áo blouse (tác phong, gọn gàng, sạch sẽ).
- Dọn dẹp vệ sinh tủ quầy kệ để nhà thuốc luôn sạch sẽ.
- Không để chân, gác chân lên tủ, kệ, quầy gây mất thẩm mỹ nhà thuốc.
- Không nói chuyện điện thoại, vào internet bằng điện thoại (khi không thật sự cần thiết)
- Ngồi ghế cao, luôn hướng ra ngoài cho khách thấy.
- Đóng tủ nhẹ nhàng, nhiệt tình tư vấn cho khách.

- Vui vẻ, hòa thuận với khách vì khách hàng là thượng đế.

Khi khách mua thuốc xong nhớ cảm ơn và chào vui vẻ với khách.

2.1.3.3. Cách bố trí và trưng bày trong nhà thuốc:

–Các quầy kệ luôn được vệ sinh, lau chùi sạch sẽ hàng ngày.

–Thuốc được trưng bày, sắp xếp ngăn nắp thuận tiện theo nguyên tắc 3 dễ: “Dễ thấy, dễ lấy, dễ kiểm tra”.

–Thuốc được phân khu rõ ràng theo các nhóm kê đơn và không kê đơn, nhóm thuốc phải kiểm soát đặc biệt, nhóm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và trang thiết bị dụng cụ y tế. Thuốc nội cũng như thuốc ngoại, thuốc theo thời hạn sử dụng trước được để ra bên ngoài.

–Có khu vực trưng bày và bảo quản thuốc riêng biệt, có quầy kệ để người mua thuốc trao đổi thông tin và nhận được sự tư vấn của người bán.

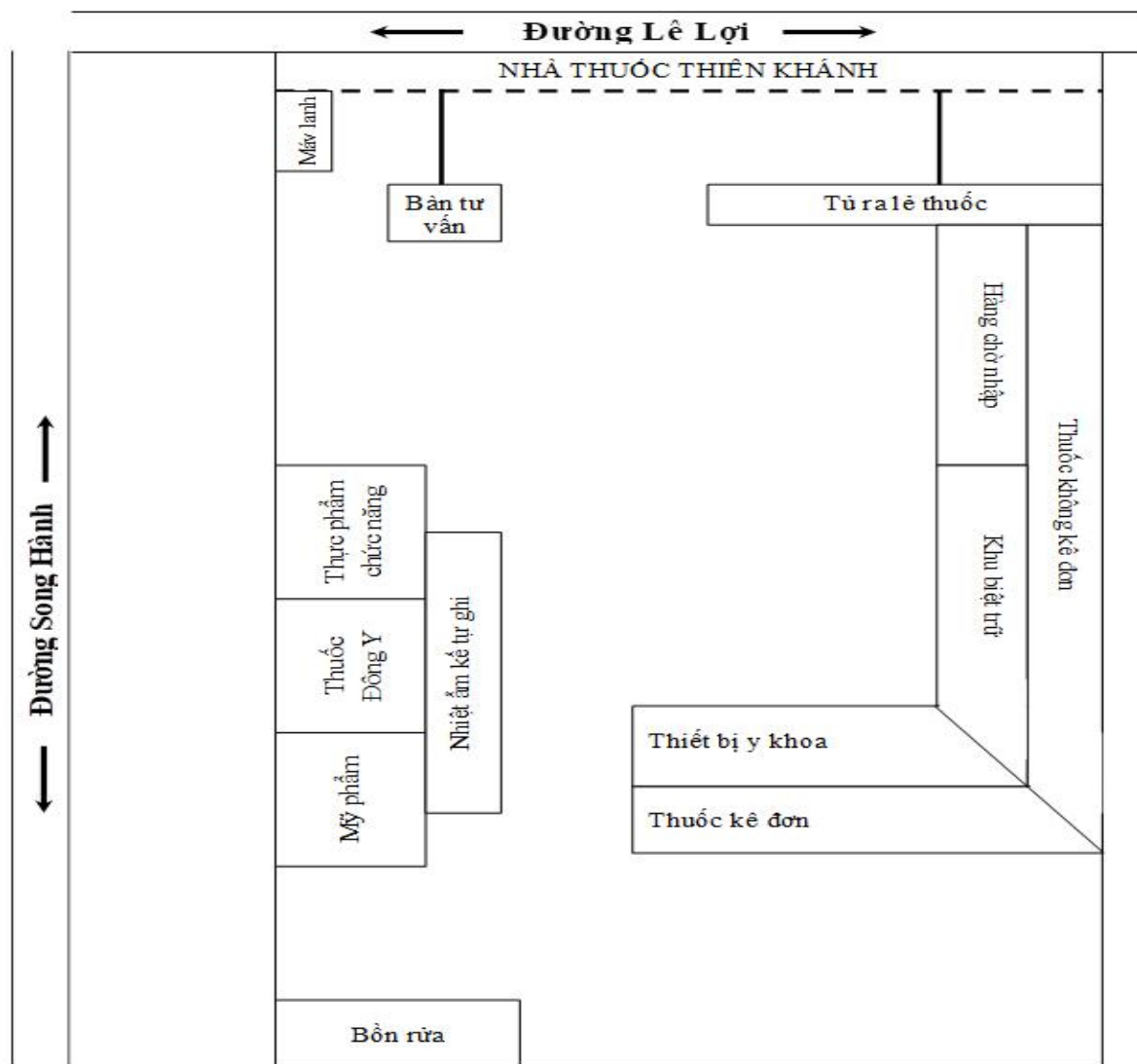
–Tủ thực phẩm chức năng, mỹ phẩm được đặt tại các khu riêng biệt không ảnh hưởng tới thuốc.

–Có cân sức khỏe phục vụ cho khách.

2.2. Sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại nhà thuốc

2.2.1. Cách sắp xếp phân loại thuốc ở nhà thuốc

Sơ đồ nhà thuốc



Hình 2.1. Sơ đồ Nhà thuốc Thiên Khánh

Phân loại:

Thuốc được phân loại rất rõ ràng, thuốc sau khi nhập được tiến hành sắp xếp lên kệ riêng biệt theo thứ tự:

–Thuốc cần bảo quản trong điều kiện đặc biệt.(điều kiện nhà sản xuất ghi trên nhãn thuốc)

–Thuốc không kê đơn (theo danh mục thuốc không kê đơn 08/2009/TT- BYT) vào kệ lớn nhất.

–Thuốc kiểm soát đặc biệt.

–Thuốc kê đơn (theo Danh mục thuốc kê đơn và những thuốc không thuộc nhóm thuốc không kê đơn).

–Cuối cùng là các sản phẩm không phải là thuốc như mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, nước uống, vật tư y tế... được bố trí vào các vị trí tương ứng.

Sắp xếp thuốc:

Thuốc được sắp xếp theo từng nhóm tác dụng dược lý.

–Sau khi phân nhóm theo tác dụng dược lý thuốc sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái để có thể dễ dàng tìm thấy nhất.

–Trong từng biệt dược được sắp xếp theo nguyên tắc FEFO (có nghĩa là thuốc có hạn sử dụng ngắn hơn được trưng ra bên ngoài để bán trước và thuốc có hạn sử dụng dài hơn sẽ để bên trong).



Hình 2.2. Cách sắp xếp thuốc tại nhà thuốc

–Thuốc bán lẻ sẽ được để bên ngoài để bán hết trước, tránh tình trạng mở quá nhiều hộp.

2.2.2. Theo dõi số lượng, chất lượng và bảo quản thuốc tại nhà thuốc

Hoạt động theo dõi số lượng và chất lượng thuốc

–Nhà thuốc quản lý số lượng để đảm bảo đủ lượng thuốc phục vụ khách hàng bằng hệ thống phần mềm quản lý thuốc.

–Hệ thống phần mềm quản lý thuốc nhằm hỗ trợ quản lý, bán hàng bằng mã vạch giúp kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh của nhà thuốc GPP chính xác, nhanh chóng, dễ dàng.

–Thuốc nhập vào hay bán ra đều được nhập dữ liệu vào hệ thống theo thứ tự lô cũng như hạn sử dụng, vì vậy khi kiểm tra tồn kho có thể biết được số lượng chính xác của lượng thuốc đang tồn cũng như hạn sử dụng của chúng.

–Nếu thuốc nào gần đến hạn sử dụng sẽ được bán trước theo nguyên tắc sắp xếp, hoặc nếu thuốc quá hạn sử dụng sẽ được đem ra và phân loại để riêng không được bán cho khách hàng.

Hoạt động bảo quản thuốc tại nhà thuốc

–Tất cả thuốc và sản phẩm không phải thuốc đều được bảo quản trên các tủ kệ chắc chắn rộng rãi và có ngăn kéo cũng như tủ khóa để đảm bảo tốt nhất chất lượng thuốc.

–Việc bố trí hướng tủ tránh trực tiếp tác động của ánh sáng mặt trời để không ảnh hưởng chất lượng thuốc, nhiệt độ và độ ẩm được theo dõi bằng nhiệt ẩm kế phía trên tủ thuốc. Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm để kịp thời điều chỉnh.

–Nhà thuốc có trang bị máy lạnh để đảm bảo tiêu chuẩn nhiệt độ cho thuốc.

–Thuốc được bảo quản theo đúng yêu cầu ghi trên nhãn thuốc nếu đó là các loại thuốc có điều kiện bảo quản đặc biệt, các loại thuốc còn lại được bảo quản ở điều kiện thường (nhiệt độ dưới 30 độ C và độ ẩm dưới 75%).

–Thuốc kê đơn, thuốc phải kiểm soát đặc biệt và thuốc không kê đơn được bày bán tủ riêng biệt có ghi rõ trên nhãn tủ “Thuốc kê đơn”, “Thuốc kiểm soát đặc biệt” và “Thuốc không kê đơn” để không bị nhầm lẫn.

–Tủ, quầy kệ được thiết kế chắc chắn có khóa bảo vệ tránh tác hại của các loại côn trùng và thường xuyên phải được vệ sinh, thuận tiện cho việc trưng bày, bảo quản

và có tính thẩm mỹ. Kiểm tra hạn dùng, kiểm tra thuốc bằng cảm quan để tránh thuốc hết hạn dùng và bị biến đổi màu.

–Có đầy đủ dụng cụ và bao bì ra lẻ thuốc (túi nilon kín khí, chai lọ sau khi ra lẻ được đóng nắp cẩn thận). Không sử dụng bao bì thuốc này làm túi đựng thuốc khác. Có đầy đủ hệ thống chiếu sáng cũng như dụng cụ ra lẻ thuốc.



Hình 2.3. Nhiệt kế tự đo tại nhà thuốc

Vai trò và hiệu quả của phần mềm quản lý thuốc

Phần mềm quản lý có vai trò quan trọng, quản lý và theo dõi nhà thuốc trong quá trình hoạt động, phần mềm giúp nhà thuốc trong nhiều việc như hỗ trợ bán hàng, quản lý người dùng, quản lý danh mục thuốc, thống kê báo cáo....:

☐ Danh mục hóa đơn

Hóa đơn nhập hàng: ngày sản xuất, số lô, hạn dùng.

Hóa đơn xuất hàng: Tên Khách Hàng, Tuổi, Giới Tính, Bệnh, Thuốc...

Danh mục biệt dược (loại biệt dược, tên biệt dược, nước sản xuất, đơn vị tính, vị trí thuốc..).

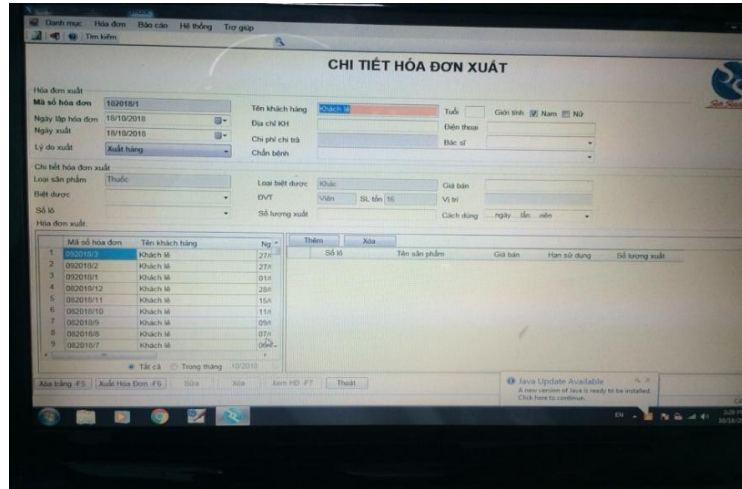
Danh mục loại biệt dược (nhóm dược lý).

Danh mục nhiệt độ bảo quản (tránh ánh sáng, tránh ẩm, đông lạnh, nhiệt độ cao), theo dõi những thuốc có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Danh mục hoạt chất.

Danh mục báo cáo thống kê: hàng tồn kho (loại sản phẩm, tên biệt dược, tên sản phẩm).

Danh mục quản lý kinh doanh.



Hình 2.4. Phần mềm quản lý thuốc tại nhà thuốc

2.2.3. Danh mục các nhóm thuốc kinh doanh tại nhà thuốc

- Nhóm thuốc kháng sinh.
- Nhóm thuốc thần kinh.
- Nhóm thuốc tim mạch – huyết áp.
- Nhóm thuốc ho – hen suyễn.
- Nhóm thuốc tiêu hóa.
- Nhóm thuốc dùng ngoài.
- Nhóm vitamin và khoáng chất.
- Nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt.
- Nhóm thuốc dị ứng.
- Nhóm thuốc ngừa thai.
- Nhóm thuốc tiểu đường.

- Nhóm thuốc đặt âm đạo.
- Nhóm cơ – xương.
- Nhóm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.
- Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

NHÓM THUỐC KHÁNG SINH

Bảng 2.1. Nhóm thuốc kháng sinh

Hình Ảnh	Biệt dược	Dạng bào chế	Chỉ định
	Cefalexin 500mg	Viên nang	Nhiễm khuẩn đường hô hấp, tai - mũi- họng, đường tiêu hóa, đường tiết niệu, đường sinh dục, da và mô mềm.
	Chloramphenicol 250mg	Viên nang	Điều trị nhiễm khuẩn nặng do vi khuẩn nhạy cảm, do Rickettsia.
	Erythromycin 250mg	Viên bao phim	Điều trị nhiều bệnh nhiễm khuẩn như viêm phế quản, viêm ruột. Có thể dùng cho người mang thai.
	Klamentin 1g	Viên nén bao phim	Điều trị ngắn hạn các nhiễm khuẩn

	Mekocefalor 500mg	Viên nén bao phim	Nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, da, mô mềm
---	----------------------	----------------------	---

NHÓM THUỐC TIM MẠCH – HUYẾT ÁP

Bảng 2.2. Nhóm thuốc tim mạch-huyết áp

Hình Ảnh	Biệt dược	Dạng bào chế	Chỉ định
	Amlodipin STADA® 5mg	Viên nang	Điều trị cao huyết áp.
	Captopril 25mg	Viên nén	Tăng huyết áp, suy tim, sau nhồi máu cơ tim (ở người bệnh đã có huyết động ổn định).
	Losartan 25mg	Viên bao phim	Điều trị tăng huyết áp, đang được thử nghiệm trong điều trị suy tim.
	Nitrostat Retard 2.5mg	Viên nang	Được dùng phòng ngừa lâu dài cơn đau thắt ngực.

NHÓM THUỐC THẦN KINH

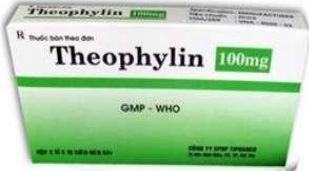
Bảng 2.3. Nhóm thuốc thần kinh

Hình Ảnh	Biệt dược	Dạng bào chế	Chỉ định
	Nootropil 800mg	Viên nén bao phim	Suy giảm chức năng nhận thức và suy giảm chức năng thần kinh giác quan mạn tính.
	Tanganil 500mg	Viên nén	Chóng mặt bất kỳ trạng thái nào.
	Betaserc 16mg	Viên nén	Điều trị hội chứng Meniere: chóng mặt, ù tai, nôn, nhức đầu, mất thính lực, chóng mặt tiền đình.

	Piracetam 400mg	Viên nang	Tổn thương do não, rối loạn não, tai biến mạch máu não.
	Phezam 400/25 mg	Viên nang cứng	Suy mạch máu não, bệnh lý mê đạo và hội chứng Meniere, chống say tàu xe.

NHÓM THUỐC HO – HEN SUYỄN

Bảng 2.4. Nhóm thuốc ho-hen suyễn

Hình Ảnh	Biệt dược	Dạng bào chế	Chỉ định
	Theophyllin 100mg	Viên nén	Giãn phế quản, và mạch vành, điều trị hen, đau thắt ngực.
	Bricanyl 1.5mg	Siro	Ho do hen phế quản, viêm phế quản, khí phế thũng, giãn phế quản, nhiễm trùng đường hô hấp trên cấp tính và các bệnh lý liên quan khác.

	Ambroxol 30mg	Viên nang	Các trường hợp bệnh lý hô hấp: viêm phế quản cấp và mãn tính, viêm xoang, viêm mũi.
	Terpin-Codein	Viên bao đường	Giảm ho, long đàm. Dùng trong các trường hợp ho do cảm lạnh, viêm thanh khí quản, viêm phế quản, viêm họng...

NHÓM THUỐC TIÊU HÓA

Bảng 2.5. Nhóm thuốc tiêu hóa

	Lansoprazol 30mg	Viên nang	Loét dạ dày tiến triển, loét tá tràng.
	Lomac 20mg	Viên nang	Điều trị ngắn hạn loét tá tràng, trị ngắn hạn loét dạ dày, trị ngắn hạn viêm thực quản thể trào ngược, hội chứng Zollinger Ellison.

	Helinzole 20mg	Viên nang	Loét dạ dày, tá tràng.
	Pantoprazole STADA® 40 mg	Viên nang cứng	Hội chứng trào ngược dạ dày - thực quản (GERD), loét đường tiêu hóa.
	Mepraz 20mg	Viên nang	Viêm thực quản trào ngược, bệnh trào ngược acid, loét dạ dày, loét tá tràng, khó tiêu do acid.

NHÓM THUỐC DÙNG NGOÀI

Bảng 2.6. Nhóm thuốc dùng ngoài

	Dermovate Cream 25 grams	Kem	Vảy nến, viêm da, các bệnh về da khác.
---	-----------------------------	-----	---

	Dipolac G	Kem	Nhiễm khuẩn da.
	Acyclovir STADA Cream	Kem	Điều trị nhiễm herpes simplex trên da và màng nhầy bao gồm nhiễm herpes sinh dục khởi phát và tái phát.
	Osla 15ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Mỏi mắt, ngứa mắt, khô rát mắt, khó chịu hoặc đỏ mắt khi ra gió hoặc bơi lội.
	Silkeron	Kem	Chữa các bệnh viêm da, nấm da, lang ben...

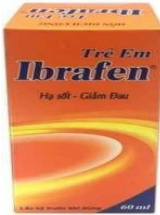
NHÓM VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT

Bảng 2.7. Nhóm vitamin và khoáng chất

	Ferrovit	Viên nang mềm	Bệnh thiếu máu, thiếu sắt.
	Biotin	Viên nén	Thiếu hụt Biotin, chán ăn.
	Magnesi B6	Viên nén	Hỗ trợ phòng ngừa và điều trị cơ gât.
	Vitamin C – 1000mg	Viên nén	Cung cấp vitamin C, tăng sức đề kháng.
	Calci – D	Viên nén dài bao phim	Bổ sung calcium cho cơ thể.

NHÓM THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT

Bảng 2.8. Nhóm thuốc giảm đau , hạ sốt

	Gofen400 Clercap	Viên nén	Giảm đau, hạ sốt.
	Ibrafen	Viên nén	Giảm đau, hạ sốt cho trẻ em.
	Tiffy	Siro	Giảm các chứng thông thường: nghẹt mũi, hạ sốt, giảm đau.
	Alaxan FR	Viên nén	Giảm đau cơ xương nhẹ đến trung bình, giảm đau đầu.
	Poro	Siro	Hạ sốt, giảm đau nhẹ cho trẻ sơ sinh và trẻ em

NHÓM THUỐC DỊ ỨNG

Bảng 2.9. Nhóm thuốc dị ứng

	Clarityne	Viên nén	Giảm triệu chứng dị ứng: hắt hơi, sổ mũi.
	Xonatrix Forte	Viên nén bao phim	Giảm triệu chứng viêm mũi theo mùa
	Sedtyl	Viên nén bao phim	Dùng cho bệnh nhân >12 tuổi, viêm mũi dị ứng, nổi mề đay
	Aerius 0,5 mg/ml	Siro	Giảm nhanh triệu chứng hắt hơi, sổ mũi.

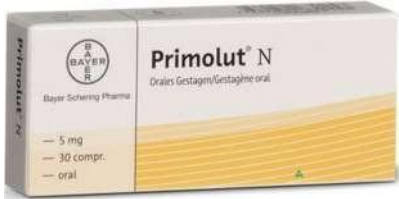
NHÓM THUỐC NGỪA THAI

Bảng 2.10. Nhóm thuốc ngừa thai

	Postinor 1	Viên nén	Ngừa thai khẩn cấp trong 72 giờ
	Marvelon	Viên nén	Tránh thai
	Embevin 28	Viên nén bao phim	Ngừa thai
	Novynette	Viên nén bao phim	Ngừa thai
	Drosperin	Viên nén bao phim	Ngừa thai

NHÓM THUỐC NỘI TIẾT

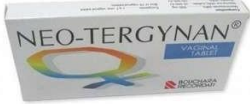
Bảng 2.11. Nhóm thuốc nội tiết

	Diamicon MR	Viên nén	Đái tháo đường type II ở người lớn
	Rocaltrol	Viên nang	Loãng xương sau sinh (loãng xương do thận, thiếu năng cận giáp phục hồi xương)
	Thyrozol 5mg	Viên nén bao phim	Cường giáp
	Primolut N	Viên nén	Xuất huyết do rối loạn chức năng, vô kinh nguyên phát hoặc thứ phát, hội

			chứng tiền kinh nguyệt.
	Glucophage 500mg	Viên nén bao phim	Đái tháo đường type II

NHÓM THUỐC ĐẶT ÂM ĐẠO

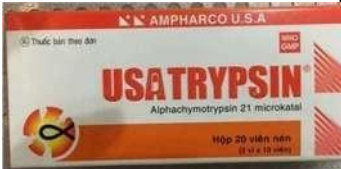
Bảng 2.12. Nhóm thuốc đặt âm đạo

	Neo– Tergynan	Viên nén đặt âm đạo	Điều trị tại chỗ viêm âm đạo do nhiễm vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng hoặc nhiễm nhiều mầm bệnh cùng lúc.
	Colpotrophine	Viên nang đặt âm đạo	Chứng teo âm đạo do thiếu estrogen, chậm thành sẹo ở cổ tử cung, âm đạo & âm hộ, sau khi sinh, sau khi mổ & sau khi xạ trị.
	Fluomizin	Viên nén đặt âm đạo	Nhiễm nấm Candida, khuẩn hỗn hợp tại âm đạo, huyết trắng do nhiễm khuẩn & nấm.

	Polygynax	Viên đặt âm đạo	Điều trị huyết trắng do: vi trùng thông thường, nấm Candida albicans
	Benidi	Viên nén đặt âm đạo	Điều trị các triệu chứng viêm nhiễm nấm vùng kín do vi khuẩn, nấm Candida albicans gây ra. Điều trị viêm nhiễm nấm không rõ nguyên nhân.

NHÓM CƠ – XƯƠNG

Bảng 2.13. Nhóm cơ - xương

	Usatrypsin	Viên nén	Điều trị tình trạng viêm họng, viêm xoang, đau rang, giảm tình trạng sưng và bầm tím sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật
	Colchicin 1mg	Viên nén	Đợt cấp của bệnh gút, dự phòng bệnh gút tái phát, viêm sụn khớp cấp, bệnh sốt chu kỳ

	Allopurinol STADA 300mg	Viên nén	Sử dụng cho bệnh nhân mắc các bệnh gút mãn tính, chứng tăng acid uric và bệnh nhân sỏi thận.
	Mydocalm 150mg	Viên nén bao phim	Điều trị triệu chứng co cứng cơ sau đột quỵ ở người lớn.
	Decontractyl 1 250 mg	Viên nén	Điều trị các cơn đau do co thắt thường gặp trong : vẹo cổ, đau lưng, đau thắt lưng, chấn thương , thần kinh và trong phục hồi chức năng

NHÓM THUỐC CÓ NGUỒN GỐC TỪ DƯỢC LIỆU

Bảng 2.14. Nhóm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu

	Crila Forte	Viên nang	Điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt.
---	-------------	-----------	---

	Kim Tiền Thảo	Viên bao đường	Sỏi đường tiết niệu, sỏi thận.
	Ích Mẫu	Viên nang	Trị kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh. Hồi phục tử cung sau khi sinh.
	Phong Tê Thấp PV	Viên bao đường	Phong thấp; thắt lưng, đau nhức xương, mỏi, tê chân tay, đau khớp mạn tính do phong thấp, đau thần kinh tọa
	Hoạt huyết dưỡng não	Viên bao đường	Suy giảm trí nhớ, căng thẳng thần kinh, kém tập trung.

2.3. Việc thực hiện GPP tại nhà thuốc

2.3.1. Những nội dung nhà thuốc thực hiện so với bảng kiểm GPP của Bộ Y Tế.

–Thực hành tốt nhà thuốc “GPP” là văn bản đưa ra các nguyên tắc, tiêu chuẩn cơ bản trong thực hành nghề nghiệp tại nhà thuốc của dược sĩ và nhân sự dược trên cơ

sở tự nguyện tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và chuyên môn ở mức cao hơn những yêu cầu pháp lý tối thiểu.

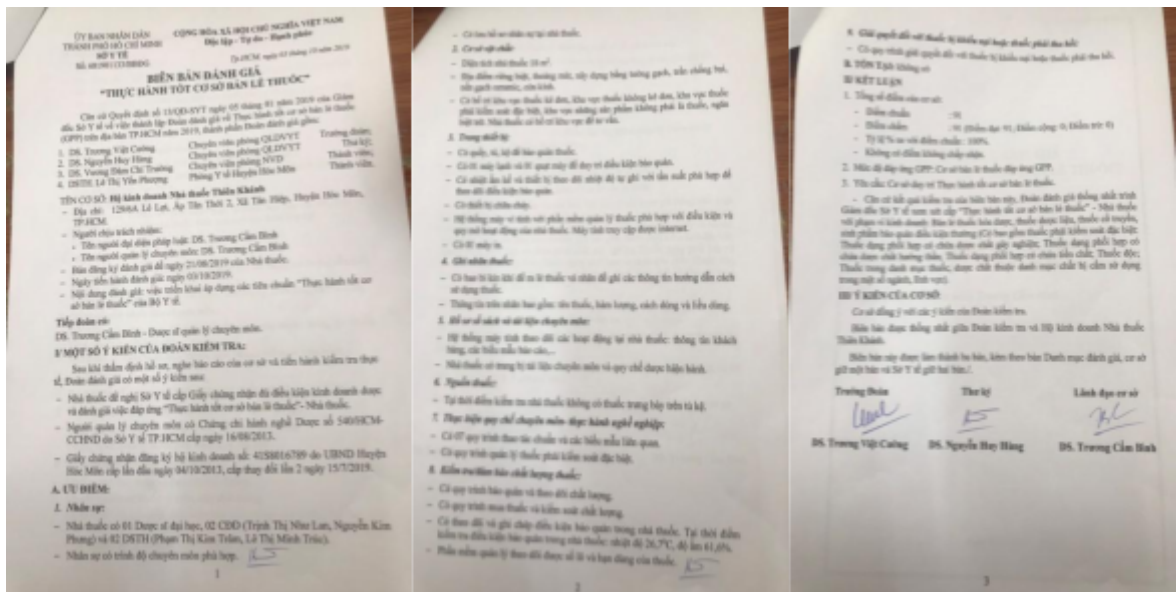
–Nhà thuốc Thiên Khánh đảm bảo thực hiện đầy đủ các nguyên tắc của “Thực hành tốt nhà thuốc” do bộ y tế đưa ra như sau:

- Đặt lợi ích của người bệnh và sức khỏe cộng đồng lên hàng đầu.
- Cung cấp thuốc đảm bảo chất lượng kèm theo thông tin về thuốc, tư vấn thích hợp cho người sử dụng và theo dõi việc sử dụng thuốc của họ.
- Tham gia vào hoạt động tự điều trị, bao gồm cung cấp thuốc và tư vấn dùng thuốc, tự điều trị của các bệnh đơn giản.

–Góp phần đẩy mạnh việc kê đơn phù hợp, kinh tế và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, có hiệu quả.

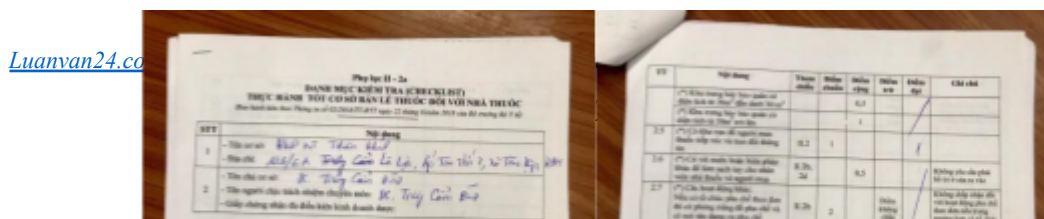
Nhà thuốc Thiên Khánh đạt chuẩn GPP có nghĩa là điều kiện hoạt động tại nhà thuốc hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn GPP do Bộ Y tế đưa ra.

□ *Biên bản đánh giá”Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” của Nhà thuốc Thiên Khánh*



Hình 2.5. Biên bản đánh giá “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”

□ *Danh mục kiểm tra*



Hình 2.6. Danh mục kiểm tra

□ Tiêu chuẩn về nhân sự:

–Người quản lý chuyên môn tại nhà thuốc DS Trương Cẩm Bình là dược sĩ Đại học có kinh nghiệm làm việc và trình độ chuyên môn cao.

–Số lượng nhân viên là 2 dược sĩ cao đẳng và 02 dược sĩ trung học có đầy đủ bằng cấp và kinh nghiệm, đáp ứng tốt quy mô của nhà thuốc.

–Nhân viên bán thuốc, giao nhận, bảo quản và quản lý chất lượng thuốc hội đủ các tiêu chuẩn:

- Có bằng cấp chuyên môn: Dược sĩ trung học.
- Có sức khỏe, không mắc các bệnh truyền nhiễm.
- Không đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo có liên quan đến chuyên môn y dược.

2.3.2. So sánh, nhận xét những nội dung nhà thuốc đã thực hiện được so với bảng kiểm GPP của Bộ Y tế.

STT	Nội dung	GPP của Bộ Y Tế	GPP của nhà thuốc
1	Nhân sự		
	Người quản lý chuyên môn	- Người phụ trách chuyên môn có bằng tốt nghiệp đại học ngành dược, phải có chứng chỉ hành nghề theo qui định hiện hành	- Số lượng dược sĩ: 01 - DS Trương Cẩm Bình => Đạt
	Số lượng nhân viên, bằng cấp chuyên môn	- Nhà thuốc phải có nguồn nhân lực thích hợp (số lượng, bằng cấp, kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng quy mô hoạt động). - Trình độ chuyên môn phù hợp	- Số lượng nhân viên: 04 => Đạt
	Nhân viên trực tiếp bán thuốc	- Nhân viên trực tiếp bán thuốc, giao nhận, bảo quản thuốc, quản lý chất lượng thuốc.	=> Đạt
	Đào tạo nhân viên	- Nhân viên phải được đào tạo ban đầu và cập nhật về tiêu	- Có tham gia các khóa học đào tạo

		chuẩn Thực hành tốt bán lẻ	
	Hồ sơ nhân viên	- Tất cả các hồ sơ liên quan đến nhân viên phải được lưu giữ	=> Đạt
2	Cơ sở vật chất		
	Xây dựng và thiết kế	- Địa điểm cố định, bố trí nơi cao ráo, thoáng mát, an toàn, cách xa nguồn nước ô nhiễm. - Khu vực hoạt động của nhà thuốc tách riêng biệt các hoạt động khác - Xây dựng chắc chắn, trần chống bụi, tường và nền nhà dễ làm vệ sinh, đủ ánh sáng, tránh nhầm lẫn và không để thuốc tiếp xúc với ánh sáng	=> Đạt
	Diện tích	- Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh tối thiểu 10m², phải có khu vực trưng bày, bảo quản, khu vực để người mua thuốc tiếp xúc và trao đổi thông tin về việc dùng thuốc - Khu vực ra lẻ thuốc không còn bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc để bán lẻ trực tiếp cho người bệnh. - Kho dự trữ thuốc và tủ biệt trữ. - Các tủ/ ngăn đựng các thuốc kiểm soát đặc biệt ở nhóm thuốc kê đơn và không kê đơn và có khóa tủ, ghi “Thuốc phải kiểm soát đặc biệt”. - Tủ chứa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế thì phải có khu vực riêng, không bày bán cùng với thuốc và không ảnh hưởng đến thuốc, ghi rõ “Sản phẩm này không phải là thuốc”. - Chỗ rửa tay và nhà vệ sinh	- Diện tích nhà thuốc 18 m². => Đạt
3	Thiết bị bảo quản thuốc tại nhà thuốc	- Tủ quây, giá kệ chắc chắn, trơn nhẵn, dễ dọn vệ sinh, thuận tiện cho bày bán, bảo quản thuốc và đảm bảo thẩm mỹ.	=> Đạt

		- Nhiệt kế, ẩm kế kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm tại nhà thuốc và được hiệu chuẩn định kỳ. (nhiệt độ $\leq 30^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 75\%$) - Các thiết bị: máy in, máy tính, máy lạnh, tủ lạnh. - Các thiết bị phòng cháy chữa cháy.	
4	Ghi nhãn thuốc	- Thuốc bán lẻ không đựng trong bao bì thì phải ghi rõ: tên thuốc, dạng bào chế, nồng độ, hàm lượng, liều dùng, số lần dùng, cách dùng.	=> Đạt
5	Hồ sơ, sổ sách và tài liệu chuyên môn của cơ sở bán lẻ thuốc	- Tài liệu, phương tiện tra cứu các tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc. - Sổ sách, máy tính để quản lý việc nhập, xuất, tồn trữ, theo dõi số lô, hạn dùng, nguồn gốc của thuốc. - Hồ sơ, sổ sách được lưu trữ ít nhất 1 năm kể từ khi hết hạn dùng của thuốc	=> Đạt
6	Nguồn thuốc	- Nguồn thuốc được mua tại các cơ sở kinh doanh thuốc hợp pháp. Mua thuốc được lưu hành, thuốc còn nguyên vẹn, đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp lệ của thuốc - Hồ sơ, lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo chất lượng thuốc trong kinh doanh. - Khi nhập thuốc, người bán lẻ phải kiểm tra hạn dùng, thông tin nhãn thuốc, kiểm tra chất lượng.	=> Đạt
7	Xây dựng và thực hiện các quy trình thao tác chuẩn	Xây dựng và thực hiện các quy trình thao tác chuẩn dưới văn bản cho tất cả các hoạt động chuyên môn để nhân viên áp dụng, tối thiểu các quy trình.	- Có 8 quy trình thao tác chuẩn và các biểu mẫu liên quan. - Có quy trình quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt. => Đạt

8	Kiểm tra, đảm bảo chất lượng thuốc	- Thuốc phải được bảo quản theo yêu cầu ghi trên nhãn và theo dõi chất lượng của thuốc. - Kiểm soát chất lượng thuốc mua về. - Theo dõi và ghi chép điều kiện bảo quản trong nhà thuốc. - Phần mềm quản lý theo dõi nhập – xuất hàng, số lô, hạn dụng thuốc.	=> Đạt
9	Giải quyết đối với thuốc bị khiếu nại hay thuốc phải thu hồi	- Sổ theo dõi tác dụng phụ của thuốc. - Khu biệt trữ chờ xử lý theo quy trình của cơ quan chức năng.	=> Đạt

Nhà thuốc Thiên Khánh không mắc lỗi nào thuộc điểm không chấp nhận. Cơ sở đã được công nhận đạt chuẩn GPP.

2.3.3. Các loại sổ sách, các S.O.P có tại nhà thuốc.

–Có đầy đủ các tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc, quy chế được hiện hành để người bán có thể tra cứu thông tin.

–Có đầy đủ hồ sơ, sổ sách liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc.

–Sổ sách máy tính quản lý thuốc tồn trữ, theo dõi số lô hạn dùng của thuốc.

–Có sổ sách ghi chép hoạt động mua thuốc, bán thuốc hàng ngày.

–Các loại sổ sách được lưu giữ một năm kể từ khi thuốc hết hạn dùng.

- Các sổ sách báo cáo có tại nhà thuốc:

- o Sổ theo dõi số lượng thuốc nhập vào và xuất ra.

- o Sổ theo dõi thuốc tồn kho.

- o Sổ theo dõi nhiệt độ và độ ẩm hằng ngày.

- o Sổ theo dõi những mặt hàng nào khách hàng mua không có toa.

- o Sổ theo dõi thuốc kiểm soát đặc biệt.

- o Sổ theo dõi chất lượng thuốc.

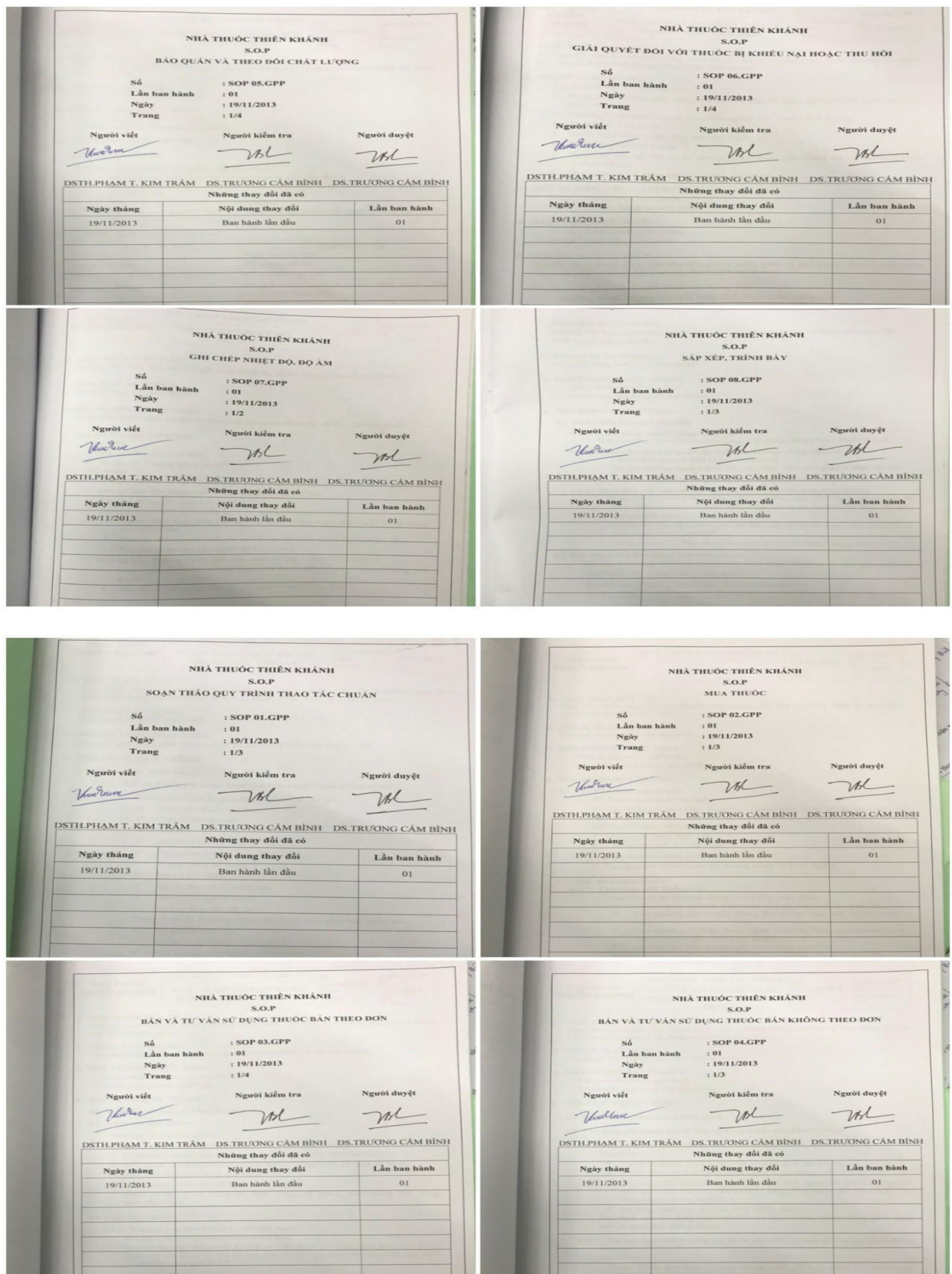
- o Sổ theo dõi tác dụng phụ của thuốc do khách hàng phản ánh.
- o Phần mềm quản lý thuốc GPP: nhập hàng, xuất hàng, số lô, hạn dùng.
- Các sách có tại nhà thuốc:
 - o Sách hướng dẫn sử dụng thuốc
 - o Sách Minus, có Internet để tra cứu thông tin.

□ *Danh mục SOP có tại nhà thuốc*

–Nhà thuốc cũng đã tiến hành xây dựng và thực hiện các quy trình thao tác chuẩn dưới dạng văn bản (SOP) cho tất cả các hoạt động chuyên môn tại nhà thuốc để nhân viên áp dụng bao gồm:

- SOP Bán và tư vấn sử dụng thuốc bán không kê đơn, SOP Bán và sử dụng các loại thuốc kê đơn
 - SOP soạn thảo quy trình thao tác chuẩn
 - SOP Bảo quản và theo dõi chất lượng.
 - SOP Giải quyết đối với thuốc bị khiếu nại hoặc thu hồi.
 - SOP ghi chép nhiệt độ và độ ẩm.
 - SOP sắp xếp, trình bày thuốc.
 - SOP mua thuốc.

–Tất cả các hoạt động tại nhà thuốc đều thực hiện nghiêm túc theo SOP hướng dẫn, các hoạt động mua bán và nhập thuốc cũng như tư vấn sử dụng thuốc đều được ghi lại rõ ràng vào sổ sách.



Hình 2.7. Các quy trình thao tác chuẩn

2.4. Tình hình bán và nhập thuốc tại nhà thuốc

2.4.1. Hoạt động nhập thuốc

– Nguồn thuốc được mua tại các cơ sở kinh doanh thuốc hợp pháp.

– Có hồ sơ theo dõi, lựa chọn nhà cung cấp có uy tín đảm bảo chất lượng thuốc bán ra.

– Chỉ nhập các loại thuốc được phép lưu hành theo tiêu chuẩn của Bộ y tế.

– Thuốc được phép lưu hành bao bì còn nguyên vẹn và có đủ hoá đơn, chứng từ hợp lệ để chứng minh nguồn gốc thuốc.

– Khi nhập thuốc phải kiểm tra hạn dùng, thông tin trên nhãn, chất lượng thuốc và kiểm soát thường xuyên trong quá trình bảo quản.

– Và quan trọng là thường xuyên theo dõi kiểm tồn để nhập thuốc sao cho đảm bảo đủ thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu.

a. *Nguyên tắc dự trữ mua hàng:*

– Thuốc bán ra được ghi chép vào sổ theo dõi về tên thuốc, nồng độ, hàm lượng, và nhà sản xuất cụ thể. Cuối ngày nhân viên bán lẻ tiến hành tổng hợp lượng thuốc thực tế bán ra trong ngày để tiến hành lập dự trữ mua thuốc.

– Khi số lượng thuốc thực tế tồn tại nhà thuốc được theo dõi bằng phần mềm quản lý và sổ sách. Dự trữ mua, dự trữ thuốc theo nhu cầu thực tế, dự trữ khoảng 1 tuần.

b. *Nguồn cung ứng thuốc chủ yếu cho nhà thuốc:*

Thuốc tại nhà thuốc được đặt hàng từ nhà cung ứng và từ các công ty dược phẩm có uy tín, hợp pháp thông qua trình dược viên. Một số nhà cung ứng thuốc lớn như: Sanofi, USPharma, Gia Phúc, Bình Dương..

c. *Cách tính giá gốc tại nhà thuốc:*

– Tùy theo từng loại mặt hàng mà có cách tính giá gốc khác nhau. Trung bình 10% giá gốc.

– Giá gốc = giá bán/10%

–Riêng một số sản phẩm như thuốc nhỏ mắt, mỹ phẩm, thuốc dùng ngoài, dụng cụ y tế... thì giá gốc = giá bán/5-8%.

2.4.2. Hoạt động bán thuốc

a. Các nhóm, loại thuốc được bán ra nhiều tại nhà thuốc

–Trong suốt thời gian thực tập, cơ sở chủ yếu bán các loại thuốc không kê đơn thuộc các nhóm thuốc: giảm đau, thuốc về đường tiêu hóa, thuốc bổ và các nhóm thuốc trẻ em (hen, suyễn),...

–Do vị trí nhà thuốc nằm ngoài mặt tiền đường chính, khu dân cư, gần chợ và trường học, người dân thường đến nhà thuốc mua các loại thuốc trị các bệnh đơn giản như nhức đầu, chóng mặt, sốt, ho và đặc biệt trong những tháng mưa này lượng thuốc về tiêu hóa và hen suyễn bán ra cũng khá nhiều, đặc biệt là nhóm thuốc cho trẻ em. Người dân đều nghĩ đây là những bệnh đơn giản theo mùa, nên thường đa phần đến nhà thuốc và tự khai bệnh để mua thuốc nên các nhóm thuốc không kê đơn kể trên là những nhóm thuốc được bán ra chủ yếu trong giai đoạn thực tập tại nhà thuốc.

–Hoạt động bán thuốc kê đơn tại nhà thuốc rất ít, một ngày chỉ có từ một đến ba bệnh nhân mang toa thuốc đến nhà thuốc để mua. Nguyên nhân chủ yếu là vì nhà thuốc không gần bệnh viện, phục vụ chủ yếu cho các bệnh nhân mua các loại thuốc thông thường như cảm sốt, ho, nhức đầu, sổ mũi...

b. Tình hình bán thuốc theo cách tự khai bệnh

–Chiếm đa số lượng thuốc bán ra, khách hàng tới mua một loại thuốc hoặc tự khai bệnh.

–Người bán lẻ cần tuân thủ nghiêm túc các quy định khi tư vấn thuốc cho người mua. Người bán luôn hỏi khách hàng về thông tin của bệnh như : có triệu chứng gì, ai là người uống, bao nhiêu tuổi, có đau dạ dày không, số lần dùng...

–Các bước cơ bản của lưu trình bán thuốc.

–Người bán lẻ hỏi người mua những câu hỏi liên quan đến bệnh và thuốc mà người mua có nhu cầu.

–Người bán lẻ coi qua đơn thuốc người mua mang theo, nếu người mua không có đơn thuốc thì người bán tư vấn về thuốc, cách dùng, hướng dẫn sử dụng.

–Người bán lẻ cung cấp thuốc phù hợp, kiểm tra đối chiếu thuốc bán ra về nhãn thuốc, chất lượng, số lượng.

–Tư vấn đúng đắn, đảm bảo hiệu quả điều trị phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của người mua.

–Chỉ tư vấn, cung cấp thông tin về các loại thuốc không bán theo đơn.

–Tư vấn bệnh nhân nên tới bác sĩ chuyên khoa hoặc bác sĩ điều trị nếu thấy rằng người bệnh cần phải có sự chẩn đoán chính xác từ bác sĩ mới có thể dùng thuốc.

–Giải thích rõ cho người mua thuốc hiểu để tự theo dõi triệu chứng đối với trường hợp chưa thật sự cần thiết phải dùng thuốc.

–Bán đúng giá và tư vấn loại thuốc có giá trị hợp lý nhất cho bệnh nhân.

–Không thông tin quảng cáo các loại thuốc không đúng với thông tin của thuốc. Bán thuốc với số lượng vừa đủ để bệnh nhân theo dõi, nếu cần sẽ mua thêm. Không khuyến khích nạn nhân mua nhiều thuốc hơn.

c. Hoạt động bán thuốc theo đơn tại nhà thuốc

–Người bán thuốc phải có trình độ chuyên môn phù hợp với quy định của Bộ y tế.

–Người bán lẻ phải bán theo đúng đơn thuốc. Trường hợp phát hiện đơn thuốc không rõ ràng về tên thuốc, nồng độ, hàm lượng, số lượng hoặc có sai phạm về pháp lý, chuyên môn hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh, người bán lẻ phải thông báo lại cho người bệnh và người kê đơn biết.

–Người bán lẻ giải thích rõ cho người mua và có quyền từ chối bán thuốc theo đơn trong các trường hợp đơn thuốc không hợp lệ, đơn thuốc có sai sót hoặc nghi vấn, đơn thuốc kê không nhằm mục đích chữa bệnh.

–Người bán lẻ là người Dược sĩ đại học có quyền thay thế thuốc bằng một thuốc khác có cùng hoạt chất, dạng bào chế, cùng liều lượng khi có sự đồng ý của

người mua.

–Người bán lẻ hướng dẫn người mua về cách sử dụng thuốc, nhắc nhở thực hiện đúng đơn thuốc.

–Sau khi bán thuốc gây nghiện, nhân viên nhà thuốc phải vào sổ, lưu đơn thuốc bản chính.

d. 10 toa thuốc:

TOA 1

Bệnh nhân: Lê Thị Út	Tuổi: 45 tuổi	Giới tính: Nữ
Chẩn đoán: Đái tháo đường không phụ thuộc Insulin/ Tăng huyết áp vô căn		
· Amlodipin 5mg	Số lượng: 28 viên	
Sáng: 1	Trưa: 0	Chiều: 0 Tối: 0
· Gliclazide 30mg (Diamicon MR)	Số lượng: 56 viên	
Sáng: 1	Trưa: 0	Chiều: 1 Tối: 0
· Metformin 10000mg (GLUCOPHAGE)	Số lượng: 56 viên	
Sáng: 1	Trưa: 0	Chiều: 1 Tối: 0

TOA 2

Bệnh nhân: Lê Ngọc Bảo Trâm	Tuổi: 04 tuổi.	Giới tính: Nữ
Chẩn đoán: Viêm mũi họng cấp		
· Húng chanh; Núc nác; Cineol (HoAstex 45mg; 11,25g, 83,7mg)	Số lượng: 01 chai	
Uống ngày 2 lần, 5ml lần		
· Natri Clorid 0,9%	Số lượng: 01 lọ	
Nhỏ mũi 2 lần		
· Vitamin C 100mg (A. T Ascorbic Syrup 5ml)	Số lượng: 03 ống	
Sáng: 0	Trưa: 1	Chiều: 0 Tối: 0
· Paracetamol 250mg (Hapacol 250mg)	Số lượng: 08 gói	

TOA 3

Bệnh nhân: Lê Thị Minh	Tuổi: 60 tuổi	Giới tính: Nữ
Chẩn đoán: Sâu răng		
1. Methylprednisolon 4mg (Menison)		Số lượng: 10 viên
Sáng: 2	Trưa: 0 Chiều: 0	Tối: 0
2. Paracetamol 500mg (Partamol tab)		Số lượng: 15 viên
Sáng: 1	Trưa: 1 Chiều: 1	Tối: 0

TOA 4

Bệnh nhân: Thái Xuân Hòa	Tuổi: 34 tuổi.	Giới tính: Nam
Chẩn đoán: Viêm mi mắt		
· DOXYCYCLIN (Doxycyclin 100mg)		Số lượng: 10 viên
Sáng: 1	Trưa: 0 Chiều: 1	Tối: 0
· OBRAMYCIN (Biracin-E 0,3% - 5ml)		Số lượng: 01 lọ
Ngày nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
· NATRI CLORID (Natri Clorid 0,9% - 10ml)		Số lượng: 01 lọ
Nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
· VITAMIN A [RETINYL ACETAT] (Agirenyl 5000IU)		Số lượng: 10 viên
Sáng: 1	Trưa: 0 Chiều: 1	Tối: 0

TOA 5

Bệnh nhân: Thái Xuân Hòa	Tuổi: 34 tuổi.	Giới tính: Nam
Chẩn đoán: Viêm mi mắt		
DOXYCYCLIN (Doxycyclin 100mg)	Số lượng: 10 viên	
Sáng: 1 Trưa: 0Chiều: 1 Tối: 0		
OBRAMYCIN (Biracin-E 0,3% - 5ml)	Số lượng: 01 lọ	
Ngày nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
NATRI CLORID (Natri Clorid 0,9% - 10ml)	Số lượng: 01 lọ	
Nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
VITAMIN A [RETINYL ACETAT] (Agirenyl 5000IU)	Số lượng: 10 viên	
Sáng: 1 Trưa: 0Chiều: 1 Tối: 0		

TOA 6

Bệnh nhân: Thái Xuân Hòa	Tuổi: 34 tuổi.	Giới tính: Nam
Chẩn đoán: Viêm mi mắt		
· DOXYCYCLIN (Doxycyclin 100mg)	Số lượng: 10 viên	
Sáng: 1 Trưa: 0Chiều: 1 Tối: 0		
· OBRAMYCIN (Biracin-E 0,3% - 5ml)	Số lượng: 01 lọ	
Ngày nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
· NATRI CLORID (Natri Clorid 0,9% - 10ml)	Số lượng: 01 lọ	
Nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
· VITAMIN A [RETINYL ACETAT] (Agirenyl 5000IU)	Số lượng: 10 viên	
Sáng: 1 Trưa: 0Chiều: 1 Tối: 0		

TOA 7

Bệnh nhân: Thái Xuân Hòa	Tuổi: 34 tuổi.	Giới tính: Nam
Chẩn đoán: Viêm mi mắt		
· DOXYCYCLIN (Doxycyclin 100mg)	Số lượng: 10 viên	
Sáng: 1 Trưa: 0Chiều: 1 Tối: 0		
· OBRAMYCIN (Biracin-E 0,3% - 5ml)	Số lượng: 01 lọ	
Ngày nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
· NATRI CLORID (Natri Clorid 0,9% - 10ml)	Số lượng: 01 lọ	
Nhỏ mắt 4 lần, mỗi lần 1 giọt		
· VITAMIN A [RETINYL ACETAT] (Agirenyl 5000IU)	Số lượng: 10 viên	
Sáng: 1 Trưa: 0Chiều: 1 Tối: 0		

TOA 8

Bệnh nhân: Huỳnh Hoàng Mỹ Lệ	Tuổi: 61 tuổi	Giới tính: Nữ
Chẩn đoán: viêm mũi họng cấp [J00]		
· PARACETAMOL (Paracetamol 500mg)	Số lượng: 20 viên	
Uống ngày 2 lần, lần 1 viên		
· ALPHACHYMOTRYPSIN 4.2mg (Alphachymotrypsin 4.2mg)	Số lượng: 40 viên	
Ngậm ngày 2 lần, lần 2 viên		
· FEXOFENADIN 60mg (Fexofenadin 60mg)	Số lượng: 20 viên	
Uống ngày 2 lần, lần 1 viên		

TOA 9

Bệnh nhân: Nguyễn Văn Tư	Tuổi: 29 tuổi	Giới tính: Nam
Chẩn đoán: Viêm dạ dày tá tràng, không xác định		
OSPAMOX (Amoxycilin 500mg)		Số lượng: 40 viên
Sáng: 2	Trưa: 0	Chiều: 2
		Tối: 0
METRONIDAZOL (Metronidazol 200mg)		Số lượng: 40 viên
Sáng: 2	Trưa: 0	Chiều: 2
		Tối: 0
NOSPA (Drotaverin Clohydrat 40mg)		Số lượng: 10 viên
Sáng: 2	Trưa: 0	Chiều: 2
		Tối: 0
OMEPRAZOL (Omeprazol 200mg)		
Sáng: 1	Trưa: 0	Chiều: 1
		Tối: 0
Trước ăn 15 phút		

TOA 10

Bệnh nhân: Nguyễn Thị Ngọc Mai	Tuổi: 26 tuổi.	Giới tính: Nữ
Chẩn đoán: Viêm da tiếp xúc do dị ứng		
Lavurem 625mg (Amoxicillin 500mg +Acid Clavulanic 125mg)		Số lượng: 15 viên
Sáng: 1	Trưa: 1	Chiều: 1
		Tối: 0
Escinum (Aescin)		Số lượng: 20 viên
Sáng: 2	Trưa: 0	Chiều: 2
		Tối: 0
Eosin		Số lượng: 01 lọ
Sáng: 1	Trưa: 0	Chiều: 1
		Tối: 0

2.5. Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc

2.5.1. Thông tin giới thiệu thuốc:

–Tại nhà thuốc Thiên Khánh các hoạt động giới thiệu thuốc được thực hiện bằng băng rôn treo phía trước hoặc thông qua các tấm poster treo ở khu vực chính bên ngoài và bên trong nhà thuốc.

–Hoạt động quảng cáo là sự kết hợp giữa nhà thuốc và nhà cung cấp bao gồm: loại thuốc mới, một số mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc bổ, thuốc dùng ngoài và thuốc không kê đơn trong danh sách của Bộ Y tế cho phép.

–Khi khách hàng có nhu cầu biết thêm thông tin có thể hỏi và sẽ nhận được sự tư vấn đầy đủ từ nhân viên.

–Nhân viên sẽ không tự ý đề cập quảng cáo và giới thiệu yêu cầu khách mua các loại thuốc được quảng cáo.

2.5.2. Hướng dẫn sử dụng thuốc

–Đối với khách hàng mua thuốc theo đơn: nhân viên chỉ có thể trả lời các thắc mắc về cách dùng, liều dùng của các loại thuốc có trong đơn thuốc, không được tư vấn cho khách hàng. Nếu khách hàng có nhu cầu tìm hiểu thêm về các loại thuốc cũng như tác dụng của các loại thuốc có trong đơn thuốc phải tư vấn trực tiếp với Dược sĩ đại học có mặt ở nhà thuốc.

–Đối với khách hàng mua thuốc không theo đơn: nhân viên căn cứ vào tình trạng khai bệnh của khách hàng và hỏi thêm về các triệu chứng, sau đó lựa chọn loại thuốc phù hợp cho khách hàng. Sau khi tiến hành xong nhân viên có trách nhiệm hướng dẫn người mua thuốc về cách dùng, liều lượng và các chống chỉ định nếu có của thuốc.

Nhân viên sau khi lấy thuốc cho khách cần ghi rõ giấy hướng dẫn thành hai bản về liều lượng, nồng độ, cách dùng từng loại thuốc vào giấy để tránh người mua nhầm lẫn trong việc sử dụng thuốc và đính kèm vào thuốc đưa cho khách hàng, đồng thời giữ bản còn lại để ghi chép vào sổ và lưu lại.

□ *Phân tích toa thuốc:*

Phân tích toa 1

1. ALFIGOLD 500mg (Cefetamet pivoxil 500mg)

Chỉ định: trường hợp nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm

Tác dụng phụ: thường gặp là rối loạn tiêu hoá như nôn mửa và tiêu chảy.

Chống chỉ định: quá mẫn cảm với cefetamet và các thành phần khác của thuốc, quá mẫn với các kháng sinh họ cephalosporin, penicillin và các bta- lactam khác.

2. BACIZIM PLUS (Lysozym clorid 15mg, Carbazochrom 1mg, alpha tocopherol acetat 17mg, acid ascorbic 78mg)

Chỉ định: Triệu chứng viêm và phù nề sau chấn thương/phẫu thuật. Phối hợp kháng sinh điều trị nhiễm trùng.

Chống chỉ định: Nhạy cảm với thành phần thuốc, dị ứng lòng trắng trứng.

Tác dụng: mệt mỏi, buồn nôn, dị ứng, chóng mặt

3. DELOPEDIL 5mg (Desloratadine 5mg)

Chỉ định: sử dụng để làm giảm các triệu chứng dị ứng như chảy nước mắt, chảy nước mũi, ngứa mắt/mũi, hắt hơi, phát ban và ngứa. Thuốc hoạt động bằng cách ngăn chặn histamine cơ thể của bạn sản xuất ra khi bị dị ứng

Chống chỉ định: mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc hoặc với loratadine, không dùng khi vận hành máy móc và lái tàu xe.

Tác dụng phụ: buồn nôn, khó tiêu, chán ăn, tiêu chảy, chóng mặt, mệt mỏi hoặc khô miệng..

4. MEDOVENT 30mg (Ambroxol HCl 30mg)

Chỉ định: thuốc tiêu chất nhầy đường hô hấp, dùng trong các trường hợp. Các bệnh cấp và mạn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch phế quản không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản

dạng hen.

Chống chỉ định: Người bệnh đã biết quá mẫn với ambroxol. Loét dạ dày tá tràng tiến triển

Tác dụng phụ: ợ nóng, khó tiêu, đôi khi buồn nôn, nôn.

5. MUFMIX 40mg (Esomeprazole 40mg)

Chỉ định: điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản (GERD) và được sử dụng kết hợp với amoxicillin và clarithromycin (Biaxin) để điều trị tình trạng loét dạ dày và nhiễm H. pylori. Điều trị hội chứng Zollinger-Ellison.

Chống chỉ định: Quá mẫn với các thuốc ức chế bơm proton hoặc quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tác dụng phụ: Nhức đầu, buồn ngủ; tiêu chảy nhẹ; buồn nôn, đau dạ dày, ợ hơi, táo bón; khô miệng

6. PANADOL 500mg (Paracetamol 500mg)

Chỉ định: làm giảm các triệu chứng sốt, đau nhức như: nhức đầu, đau răng, đau nhức do cảm cúm, đau họng, đau sau khi tiêm ngừa hay nhổ răng, đau do hành kinh, đau do vận động.

Chống chỉ định: Những trường hợp quá mẫn cảm với thành phần Paracetamol., bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase

Tác dụng phụ: Buồn nôn, đau bụng trên, ngứa, mất cảm giác ngon miệng; nước tiểu đậm màu, phân màu đất sét; vàng da (vàng da hoặc mắt)

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể trong đơn thuốc.

Uống nhiều nước ấm.

Giữ ấm cơ thể khi thời tiết trở lạnh

Phân tích toa 2

1. ACYCLOVIR, (Acyclovir 800mg)

Chỉ định: Điều trị nhiễm herpes simplex trên da. Phòng ngừa nhiễm herpes simplex ở bệnh nhân suy giảm miễn dịch. Điều trị bệnh thủy đậu (varicella). Nhiễm herpes zoster (shingles)

Tác dụng phụ: tăng bilirubin trong huyết thanh và men gan, thay đổi huyết học, chứng Stevens-Johnson và sốt, đau đầu, choáng váng và ảnh hưởng đến tiêu hóa như buồn nôn, nôn và tiêu chảy

Chống chỉ định: Bệnh nhân mẫn cảm với acyclovir và valacyclovir.

2. PANADOL, (Paracetamol 500mg)

Chỉ định: làm giảm các triệu chứng sốt, đau nhức như: nhức đầu, đau răng, đau nhức do cảm cúm, đau họng, đau sau khi tiêm ngừa hay nhổ răng, đau do hành kinh, đau do vận động.

Tác dụng phụ: Buồn nôn, đau bụng trên, ngứa, mất cảm giác ngon miệng; nước tiểu đậm màu, phân màu đất sét, vàng da (vàng da hoặc mắt)

Chống chỉ định: Những trường hợp quá mẫn cảm với thành phần Paracetamol, bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase.

3. DD MILIAN, (Xanh Methylen+Tím tinh thể)

Chỉ định: Dùng tại chỗ để điều trị nhiễm virus ngoài da như eczema hay còn gọi là chàm (thông thường do virus Herpes simplex), chốc lở, viêm da mủ, nhiễm khuẩn da (hăm bẹn).

Tác dụng phụ: da có màu xanh sau khi dùng.

Chống chỉ định: Không được uống, phụ nữ mang thai và đang cho con bú

4. ENERVON C, (Vitamin C, B1, B2, B3, B6, B12, + Cali Pantothenat)

Chỉ định: là chế phẩm bổ sung để điều trị thiếu vitamin C và B trong trường hợp thiếu hụt hoặc tăng nhu cầu như thời kì tăng trưởng nhanh, mệt mỏi, các trường hợp gắng sức về tinh thần và thể chất.

Tác dụng phụ: đau bụng, tiêu chảy, buồn nôn, tăng oxalat niệu và sỏi thận.

Chống chỉ định: Không dùng cho người quá mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc, bệnh nhân cổ u ác tính, bệnh gan, loét dạ dày, xuất huyết động mạch và hạ huyết áp nặng.

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể trong đơn thuốc.

Uống nhiều nước.

Dùng rượu tẩy màu xanh trên da.

Không để cơ thể sốt cao

Phân tích toa 3

1. RODOGYL (Metronidazol + Spiramycin)

Chỉ định điều trị các bệnh nhiễm trùng vùng miệng (áp xe răng, viêm tấy, viêm tuyến nước bọt). Dự phòng nhiễm trùng cục bộ sau khi thực hiện các thủ thuật trong nha khoa.

Tác dụng phụ: Rối loạn tiêu hóa, đau bụng, buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, mê đay. Có vị kim loại trong miệng, viêm lưỡi với cảm giác khô miệng, viêm miệng, chán ăn.

Chống chỉ định: Tuyệt đối, quá mẫn cảm với imidazole và/hoặc spiramycine và/hoặc tá dược đỏ cochenille A. Trẻ dưới 6 tuổi (do dạng bào chế không thích hợp).

2. GOFEN 400mg (Ibuprofen)

Chỉ định: Giảm đau do cảm cúm, đau đầu, đau răng, đau nhức cơ, đau lưng, đau nhẹ do viêm khớp, đau bụng kinh..

Chống chỉ định: Mẫn cảm với aspirin và các thuốc kháng viêm không steroid khác

Tác dụng phụ: Tác dụng không mong muốn thường gặp là kích ứng tiêu hóa. Ibuprofen có thể gây dị ứng nặng, triệu chứng gồm phát ban, phù mắt, hen suyễn hay sốc.

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể với các thuốc trong đơn.

Nếu bệnh nhân bị đau dạ dày, viêm đau nhiều thì ta bỏ thuốc Gofen ra hoặc giảm liều xuống.

Có thể thêm thuốc dạ dày do TDP của Gofen gây loét dạ dày.

Phân tích toa 4

1. CLAPRA 40mg (pantoprazole 40mg)

Chỉ định: Loét dạ dày, loét tá tràng. Viêm thực quản trào ngược, bệnh lý tăng tiết acid. Phối hợp với kháng sinh để loại trừ nhiễm *Helicobacter pylori*.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc. Trẻ < 18 tuổi

Tác dụng phụ: Nhức đầu, tiêu chảy & đau bụng.

2. CINNARINZIN 25mg (Cinnarizine 25mg)

Chỉ định: Điều trị duy trì rối loạn mê đạo, kể cả chóng mặt, choáng váng, ù tai, giật cầu mắt, buồn nôn & nôn, phòng ngừa say tàu xe, phòng nhức nửa đầu.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc

Tác dụng phụ: Tạm thời: buồn ngủ & rối loạn tiên hóa. Hiếm khi: đau đầu, khô miệng, tăng cân, ra mồ hôi & dị ứng.

3. MIXVIN (Multivitamin+khoáng chất)

Chỉ định: Dùng trong những trường hợp cơ thể bị suy nhược, mệt mỏi, mất cân bằng và thiếu hụt dinh dưỡng, sau phẫu thuật. Bổ sung vitamin cho phụ nữ có thai hay cho con bú, trẻ đang tăng trưởng, người lớn tuổi. Phòng và điều trị bệnh thiếu Vitamin A.

Chống chỉ định: Bệnh nhân dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Tác dụng phụ: Buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, ngứa, khó chịu ở dạ dày, táo bón, nổi ban, đỏ da.

4. DAFLON 500mg (Diosmin+Hesperidin)

Chỉ định: Điều trị các triệu chứng có liên quan đến suy tuần hoàn tĩnh mạch bạch huyết (nặng chân, đau, chân khó chịu vào buổi sáng sớm). Điều trị các dấu hiệu chức năng có liên quan đến con đau trĩ cấp.

Chống chỉ định: phụ nữ có thai và cho con bú

Tác dụng phụ: Một số trường hợp gặp rối loạn tiêu hóa và rối loạn thần kinh thực vật nhẹ, không cần phải ngưng điều trị.

5. OPIRID 25mg (Levosulpiride 25mg)

Chỉ định: Làm giảm các triệu chứng khó tiêu chức năng: trướng bụng, khó chịu

vùng thượng vị, ợ nóng, ợ hơi, buồn nôn, nôn. Điều trị tâm thần phân liệt cấp và mạn tính.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc. Phụ nữ có thai hoặc nghi ngờ có thai. Xuất huyết đường tiêu hóa, tắc nghẽn cơ học hoặc thủng ruột. U tủy thượng thận. Động kinh, hưng cảm hoặc hưng cảm trong tâm thần phân liệt. Ung thư vú.

Tác dụng phụ: Mất ngủ hoặc buồn ngủ. Tăng prolactin máu, tăng tiết sữa, rối loạn kinh nguyệt hoặc vô kinh.

6. GLUMARIX (Aluminum+Magnesium+Oxethazaine)

Chỉ định: Aluminum hydroxit được dùng để làm giảm chứng ợ nóng, dạ dày chua, đau loét dạ dày và thúc đẩy việc chữa lành vết loét dạ dày tá tràng.

Chống chỉ định: Chống chỉ định với các bệnh nhân quá mẫn với các thành phần của thuốc

Tác dụng phụ: Các tác dụng phụ có thể xảy ra: táo bón, ăn mất ngon

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể với các thuốc trong đơn.

Không ăn cay, chua, hạn chế rượu bia, không được bỏ bữa.

Không ăn quá no, chia nhỏ bữa ăn.

Phân tích toa 5

1. ACETYLCYSTEIN 200mg

Chỉ định: Tiêu nhày trong các bệnh phế quản-phổi cấp & mãn tính kèm theo tăng tiết chất nhày.

Chống chỉ định: Quá mẫn với acetylcystein hoặc một trong các thành phần thuốc.

Tác dụng phụ: Rất hiếm: rối loạn tiêu hóa, viêm miệng, ù tai.

2. SALBUTAMOL 2mg

Chỉ định: Giảm co thắt phế quản trong các dạng hen phế quản, trong viêm phế quản & khí phế thũng.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc

Tác dụng phụ: Rung nhẹ cơ xương đặc biệt ở bàn tay, đánh trống ngực & chuột rút cơ.

3. AIR-X 80mg (nén vỉ bạc)

Chỉ định: Chậm tiêu, đầy hơi ở đường tiêu hóa, cảm giác bị đè ép & căng ở vùng thượng vị, nặng bụng, nôn ở phụ nữ có thai, ọc sữa, chậm tiêu ở trẻ sơ sinh, trướng bụng sau phẫu thuật.

Chống chỉ định: Các trường hợp quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tác dụng phụ: thường không có bất kỳ tác động nào trên cơ thể

4. EFTICOL 0.9%

Chỉ định: Nhỏ mắt hoặc rửa mắt, chống kích ứng mắt và sát trùng nhẹ. Trị nghẹt mũi, sổ mũi, viêm mũi do dị ứng. Đặc biệt dùng được cho trẻ sơ sinh.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần của thuốc.

Tác dụng phụ: Đôi khi có phản ứng dị ứng tại chỗ.

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể trong đơn thuốc.

Uống nhiều nước.

Giữ ấm cơ thể khi thời tiết trở lạnh.

Trẻ bị co giật thì ngừng sử dụng thuốc Salbutamol.

Phân tích toa 6

1. SANFETIL 200mg(Cefpodoxim 200mg)

Chỉ định: điều trị bệnh viêm tai giữa cấp do các chủng nhạy cảm S, nhiễm khuẩn đường tiết niệu bệnh lậu cấp, chưa biến chứng, ở nội mạc cổ tử cung hoặc hậu môn - trực tràng.

Tác dụng phụ: Đau dạ dày, tiêu chảy, nôn, phát ban ngứa, nổi mề đay, khó thở hoặc khó nuốt.

Chống chỉ định: Không được dùng cefpodoxim cho những người bệnh bị dị ứng với các cephalosporin và người bị rối loạn chuyển hóa porphyrin.

2. MUCOSOLVAN 30mg (Ambroxol 30mg)

Chỉ định: Các bệnh cấp và mạn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch phế quản

không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen. Các bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để phòng các biến chứng ở phổi.

Tác dụng phụ: Ợ nóng, khó tiêu, đôi khi buồn nôn, nôn. Dị ứng, chủ yếu phát ban.

Chống chỉ định: Người bệnh đã biết quá mẫn với ambroxol. Loét dạ dày tá tràng tiến triển.

3. BACIZIM PLUS (Lysozym clorid 15mg, Carbazochrom 1mg, alpha tocopherol acetat 17mg, acid ascorbic 78mg).

Chỉ định: Triệu chứng viêm và phù nề sau chấn thương/phẫu thuật. Phối hợp kháng sinh điều trị nhiễm trùng.

Chống chỉ định: Nhạy cảm với thành phần thuốc, dị ứng lòng trắng trứng.

Tác dụng phụ: mệt mỏi, buồn nôn, dị ứng, chóng mặt.

4. ADONA 30mg (Carbazochrome 30mg)

Chỉ định: Được dùng như thuốc cầm máu để chuẩn bị phẫu thuật ngoại khoa và điều trị xuất huyết do mao mạch.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần của thuốc.

Tác dụng phụ: Rối loạn hệ tiêu hóa, tăng nhạy cảm.

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể trong đơn thuốc.

Uống nhiều nước.

Ngâm thêm kẹo tinh dầu sát khuẩn cổ họng.

Không ăn đồ ăn chua cay nóng.

Phân tích toa 7

1. TANADOL 500mg (Acetaminophen.)

Chỉ định: Hạ sốt do nhiễm siêu vi.

Chống chỉ định: Tiền sử quá mẫn với thành phần thuốc.

Tác dụng phụ : Dị ứng, suy gan

2. STUGERON (Cinnarizin 25mg)

Chỉ định: Rối loạn tiền đình, choáng váng nhức đầu.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc.

Tác dụng phụ: Rối loạn tiêu hóa, buồn ngủ nhẹ.

3. PIRACETAM (piracetam)

Chỉ định: Chóng mặt, thiếu máu cục bộ, rối loạn thần kinh trung ương.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc, suy thận nặng và phụ nữ có thai, cho con bú.

Tác dụng phụ: Bồn chồn, lo âu & rối loạn giấc ngủ.

Nhận xét

Thuốc Piracetam liều khởi đầu 3 lần/ ngày/ 2 viên.

Không có tương tác đáng kể với các thuốc trong đơn.

Thường xuyên tập thể dục.

Không nên lái xe và vận hành máy móc vì thành phần thuốc Stugeron gây buồn ngủ.

Phân tích toa 8

1. PARACETAMOL (Paracetamol 500mg)

Chỉ định: Paracetamol được dùng rộng rãi trong việc điều trị các chứng đau nhức và sốt từ nhẹ đến vừa.

Chống chỉ định: Những bệnh nhân có tiền sử thiếu máu hoặc mắc những bệnh liên quan đến tim, phổi, thận hoặc gan; Những người mẫn cảm với thành phần thuốc; Những người bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase.

Tác dụng phụ: Những đối tượng mẫn cảm với thành phần của thuốc khi sử dụng thuốc có thể sẽ gặp một số biểu hiện kích ứng dị ứng như ban đỏ, nổi mề đay

2. ALPHACHYMOTRYPSIN 4.2mg (Alphachymotrypsin 4.2mg)

Chỉ định: Điều trị các trường hợp phù nề do chấn thương, làm giảm & mất các bọc máu ở da. Điều trị các trường hợp bong gân. Điều trị các chứng viêm tai kết dính,

viêm xoang.

Chống chỉ định: Quá mẫn với thành phần thuốc.

Tác dụng phụ: Có thể gây ra những triệu chứng do quá mẫn.

3. FEXOFENADIN 60mg (Fexofenadin 60mg)

Chỉ định: Điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô.

Chống chỉ định: Mẫn cảm với Fexofenadin hay bất cứ thành phần nào của thuốc, trẻ em dưới 12 tuổi.

Tác dụng phụ: Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mắt ngứa, chóng mặt, buồn nôn, khó tiêu

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể trong đơn thuốc.

Uống nhiều nước.

Giữ ấm cơ thể khi thời tiết trở lạnh.

Phân tích toa 9

1. OSPAMOX (Amoxycilin 500mg)

Chỉ định: Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên. Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới do liên cầu khuẩn, phế cầu khuẩn, tụ cầu khuẩn không tiết penicilinase và H.influenzae

Chống chỉ định: Người bệnh có tiền sử dị ứng với bất kỳ loại penicilin nào.

Tác dụng phụ: Buồn nôn, nôn, ỉa chảy. Ban đỏ, ban dát sần và mày đay, đặc biệt là hội chứng Stevens – Johnso.

2. METRONIDAZOL (Metronidazol 200mg)

Chỉ định: điều trị và dự phòng các bệnh nhiễm trùng vi khuẩn kỵ khí, viêm loét nướu cấp tính, nhiễm khuẩn âm đạo, viêm vùng chậu, viêm niệu đạo không do lậu, uồn ván, viêm đại tràng liên quan kháng sinh.

Chống chỉ định: đối với phụ nữ cho con bú.

Tác dụng phụ: buồn nôn, biếng ăn, miệng có vị kim loại, đau thượng vị, ói mửa

3. NOSPA (Drotaverin Clohydrat 40mg)

Chỉ định: Co thắt dạ dày-ruột, hội chứng ruột bị kích thích, cơn đau quặn mật đau

bụng kinh, cơn đau quặn thận.

Chống chỉ định: các thuốc kháng choline, quá mẫn cảm.

Tác dụng phụ: buồn nôn, chóng mặt.

4. OMEPRAZOL (Omeprazol 200mg)

Chỉ định: Loét dạ dày và tá tràng, viêm thực quản trào ngược, hội chứng Zollinger - Ellison.

Chống chỉ định: Người mẫn cảm với thành phần của thuốc.

Tác dụng phụ: Dị ứng phát ban, rối loạn tiêu hóa đau bụng buồn nôn.

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể với các thuốc trong đơn.

Không ăn cay, chua, hạn chế rượu bia, không được bỏ bữa.

Chia nhỏ bữa ăn, không ăn qua no

Phân tích toa 10

1. NEUROBION (Vitamin B1 100mg+B6 200mg+B12 200mcg)

Chỉ định: giảm đau trong đau dây thần kinh, điều trị hỗ trợ trong đau khớp, bệnh beri-beri, viêm dây thần kinh ngoại vi, thiếu máu nguyên bào sắt, chứng co giật ở trẻ em do thiếu pyridoxine

Tác dụng phụ: Dị ứng phát ban, rối loạn tiêu hóa đau bụng buồn nôn

Chống chỉ định: Quá mẫn cảm hoặc dị ứng với thành phần của thuốc.

2. OMEPRAZOL (Omeprazol 200mg)

Chỉ định: Loét dạ dày và tá tràng, viêm thực quản trào ngược, hội chứng Zollinger - Ellison.

Chống chỉ định: Người mẫn cảm với thành phần của thuốc.

Tác dụng phụ: Dị ứng phát ban, rối loạn tiêu hóa đau bụng buồn nôn

Nhận xét

Không có tương tác đáng kể với các thuốc trong đơn.

Chưa cần dùng thuốc tim mạch.

Tái khám nếu còn triệu chứng.

Tập thể dục thường xuyên

2.5.3. Đảm bảo an toàn và hợp lý trong bán và sử dụng thuốc

–Nhà thuốc luôn bán các loại thuốc nằm trong danh mục cho phép và sẽ tiếp nhận phản hồi từ phía khách hàng.

–Đối với thuốc không kê đơn thì theo dõi triệu chứng khách hàng báo để lựa chọn loại thuốc phù hợp nhất. Nếu thấy bệnh nhân uống thuốc không khỏi sẽ đề nghị bệnh nhân nên tới cơ sở y tế để khám và xét nghiệm cho chính xác bệnh án.

–Thường xuyên kiểm tra theo dõi chất lượng thuốc bán ra, tuyệt đối không bán các loại thuốc gần hoặc hết hạn sử dụng làm ảnh hưởng sức khỏe bệnh nhân.

CHƯƠNG 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thời gian đi thực tập giúp em nắm rõ được cách sắp xếp thuốc theo nhóm dược lý, bảo quản thuốc an toàn và cách phối hợp các loại thuốc với nhau trong việc điều trị bệnh.

Đồng thời em cũng được hiểu thêm về cách giao tiếp với khách hàng, biết thêm nhiều biệt dược đang lưu hành ngoài thị trường, qua đó em được trang bị nhiều kiến thức bổ ích cho công việc đã và đang theo đuổi.

Vấn đề còn tồn tại là thời gian thực tập quá ngắn nên em chưa nắm vững cách phối hợp thuốc, chưa được thấy quy trình nhập hàng của nhà thuốc.